

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 11 - 2020

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hán Văn Nhuận

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hương;

Bà Bá Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Thuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phước Thanh T, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt)

Bị đơn: Ông Lê C, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Phước Thanh T trình bày: Bà và ông Lê C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989 có kết hôn tại UBND xã P. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên đánh đập bà, còn đe dọa đến tính mạng và sức khỏe của bà, vợ chồng sống lạnh nhạt với nhau đã lâu nên bà không còn tình cảm với ông C nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê C.

Về con chung: Có 04 người con đã trưởng thành lao động tự túc được bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn ông Lê C trình bày: Ông và bà Nguyễn Phước Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bất

đồng quan điểm sống, vợ chồng sống lạnh nhạt với nhau và đã sống ly thân 03 năm nay, nên ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Phước Thanh T.

Về con chung: Có 04 người đã trên 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự túc được, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ yêu cầu của ông.

Về nợ chung: Ông trình bày có nợ chung là nợ vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã P, nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng Giao dịch B. Nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ yêu cầu của ông.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Qua kiểm sát vụ án cũng như tại phiên tòa nhận thấy: Thủ tục tố tụng Tòa án làm đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Phước Thanh T được ly hôn với ông Lê C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ tranh chấp: xác định quan hệ là “xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay ông Lê C vắng mặt không có lý do, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông C nhưng ông C vẫn không có mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông Lê C.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phước Thanh T về việc xin ly hôn; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông C đều thừa nhận tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989, có kết hôn tại UBND xã P. Cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sống lạnh nhạt với nhau và đã sống ly thân 03 năm nay, nên bà T có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông C và ông C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, điều này thể hiện ông C không có thiện chí đoàn tụ, không mong muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T và ông C đều đồng ý ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Phước Thanh T với bị đơn ông Lê C.

Xét về con chung: Hai bên đều trình bày có 04 người con đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và lao động tự túc được, nên bà T, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông C có yêu cầu nhưng không cung cấp tài liệu, chứng minh yêu cầu của ông nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa hôm nay về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 06 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Bà Nguyễn Phước Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 06 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Phước Thanh T và ông Lê C.

[2]. Về án phí: Bà Nguyễn Phước Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0022557, ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Phước Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận
- Viện Kiểm sát huyện N;
- Chi cục THADS để thi hành;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hán Văn Nhuận

